HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

- ☆-

KỶ YẾU
ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ

ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ QUỐC TẾ ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG LÀO, THỜI KỲ 1930 - 1954. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Cơ quan chủ trì: VIỆN LỊCH SỬ ĐẢNG
Chủ nhiệm đề tài: PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC
Thư ký: NGUYỄN THỊ HỒNG MAI

HÀ NỘI - 1999

3555
16/57 2000

TẬP THỂ TÁC GIẢ

PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC *Chủ nhiệm đề tài*

NGUYỄN THỊ HỒNG MAI *Thư ký*

THẠC SĨ NGUYỄN XUÂN ỚT

THẠC SĨ NGUYỄN ĐÌNH NHƠN

CHU ĐĂNG BẢO

NGUYỄN DANH TIÊN

HỒ TỐ LƯƠNG

MỤC LỤC

Trang

- Nghĩa vụ quốc tế của những người cộng sản Việt Nam với phong trào cách mạng và quá trình hình thành phát triển Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương ở Lào và đảng nhân dân Lào. 1
- Đảng Nhà nước Việt Nam giúp đỡ cách mạng Lào tổ chức, củng cố và mở rộng mặt trận Dân tộc thống nhất. 41
- Đảng và Nhà nước Việt Nam thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào trên lĩnh vực quân sự. 70
- Đảng và Nhà nước Việt Nam giúp cách mạng Lào xây dựng chính quyền và đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, 112
- Biên niên sự kiện. 131

NGHĨA VỤ QUỐC TẾ CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN VIỆT NAM, VỚI PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG Ở LÀO VÀ ĐẢNG NHÂN DÂN LÀO

Nguyễn Đình Nhơn

I. ***Sơ lược về tình hình và đặc điểm của nước Lào.***

Nước Lào nằm ở phía Tây - Tây Bắc bán đảo Đông Dương, từ vĩ tuyến 13 - 23 độ bắc, và giữa Kinh tuyến 100 - 108 độ Đông, có chung biên giới với 5 nước: Việt Nam, Thái Lan, Mianma, Trung Quốc và Cămpuchia. Diện tích khoảng 236.800 km^2, dân số hơn 3 triệu người, có khoảng 60 dân tộc, trong đó người Lào chiếm đa số.

Nước Lào nằm ở vùng nhiệt đới, ẩm thấp có 2 mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa. Núi rừng và cao nguyên chiếm 3/4 diện tích cả nước, không có bờ biển. Xen kẽ với các dãy núi trùng điệp, nước Lào còn có các cao nguyên rộng lớn có một vị trí rất quan trọng, không chỉ đối với Lào mà còn đối với Đông Dương và Đông Nam Á.

Ở Bắc Lào có các cao nguyên Luông- nậm -Thà, Cao nguyên Hưa Phăn, cao nguyên Mường Phuôn.

Ở Trung Lào có cao nguyên Khăm Muộn, ở Nam Lào có cao nguyên Bô-Lô-ven.

Nước Lào còn có những bình nguyên rộng lớn, làm thành những cánh đồng phì nhiêu mầu mỡ dọc theo sông Mê Kông. Ở các tỉnh Bắc Lào có khoảng 180.678 ha, ở Trung Lào có 152.800 ha và ở Nam Lào có 95.900 ha là những cánh đồng trồng lúa và các cây công nghiệp.

Lào rất giàu lâm sản và khoáng sản. Có những lâm sản quý hiếm, chiếm 70% sản lượng thế giới - đó là Cánh kiến trắng. Mỏ thiếc ở Trung Lào có hàm lượng cao chiếm từ 50-63%. Vàng ở khắp nước Lào đều có: vàng mỏ, vàng dải trong cát, vàng ở các lưu vực sông... Ngoài ra ở Lào có các mỏ chì, sắt, đồng thau, kẽm, thạch cao, đá vôi. Dọc theo biên giới Việt-Lào có mỏ dầu, mỏ lưu huỳnh. Trước đây thực dân Pháp mới khai thác vàng ở Xê-Pôn, Ngọc Bích ở Huội Xai và thiếc ở Nam Bò-nèng, còn hầu như các khoáng sản khác chưa được khai thác.

Từ những đặc điểm tự nhiên trên, cho ta thấy nước Lào có những khó khăn trở ngại do thiên nhiên tạo nên, đồng thời cũng cho thấy những khả năng tiềm tàng hết sức thuận lợi của nhân dân, bộ tộc Lào trong công cuộc phát triển nền kinh tế của mình sau này.

Nước Lào có tài nguyện phong phú, nhưng chưa được khai thác, nền kinh tế tự nhiên vô cùng lạc hậu, có tính chất tự cấp tự túc, mang tính chất tiểu nông phân tán của thời kỳ đầu phong kiến.

Các vua chúa phong kiến phân quyền cát cứ ở địa phương trong cả nước, nắm độc quyền phân phối đất đai ở từng vùng, bóc lột sức lao động của quần chúng bằng hình thức lao dịch, biếu xén, cống nạp.

Sau khi xâm chiếm nước Lào, thực dân Pháp vẫn giữ nguyên các hình thức bóc lột phong kiến đối với nhân dân và các bộ tộc Lào. Hơn 70 năm đế quốc, phong kiến thống trị, nền kinh tế nước Lào vẫn hoàn toàn là nền kinh tế tiểu nông, phân tán và vô cùng lạc hậu, mang tính chất tự nhiên, tự cấp tự túc của thời kỳ đầu phong kiến. Mặc dù nước Lào có nhiều tài nguyên phong phú, nhưng chỉ là kho tàng còn nằm trong lòng đất, chưa được khai phá. Đời sống nhân dân vẫn khổ cực trăm bề.

Năm 1861 thực dân Pháp bắt đầu thăm dò Lào và năm 1888 chính thức Pháp đem quân xâm lược nước Lào.

Ngày 3-12-1895, vua Luông-pha-băng đã ký với toàn quyền Pháp ở Đông Dương về luật tổ chức chế độ bảo hộ đối với Lào.

Ngày 19-4-1899, lập thống sử Pháp ở Lào.

Ngày 19-8-1899, Pôn-du-me ra sắc lệnh đặt nước Lào thành đơn vị hành chính thứ 5 của Liên bang Đông Dương.

Như vậy ba nước Việt Nam (1884) Cămpuchia (1884) Lào (1899) đều mất quyền độc lập, là thuộc địa của thực dân Pháp đều có một kẻ thù chung là thực dân Pháp.

Sau khi bị thực dân Pháp xâm chiếm và biến thành thuộc địa- xã hội Lào là *xã hội thuộc địa nửa phong kiến,* với 2 giai cấp chủ yếu là phong kiến và nông dân. Ngoài ra còn giai cấp tư sản, tiểu tư sản và công nhân (dần dần được hình thành).

Thực dân Pháp thi hành chính sách bóc lột trực tiếp sức lao động và đề ra mọi thứ thuế làm cho nhân dân các bộ tộc Lào vốn đã rất cực khổ lại càng thêm điêu đứng hơn nữa. Chúng bắt nam giới Lào từ 18 đến 60 tuổi phải đi lao dịch phục vụ cho chúng ít nhất 100 ngày trong một năm.

- Chúng đặt ra các thứ thuế và chia ra làm 2 loại: thuế trực tiếp và thuế gián tiếp.

Thuế trực tiếp là thuế đánh vào đầu người. Nam gồm từ 18-60 tuổi phải đóng thuế theo qui định của Thực dân Pháp. Ngoài ra chúng còn thu thuế gián tiếp, nhằm vơ vét kiệt quệ cuộc sống của người dân. Đó là thuế miễn quân dịch, thuế cửa hàng, thuế nấu rượu và thuế rrượu, thuế phương tiện vận chuyển, thuế vũ khí, đạn dược, thuế công nghiệp và khai hoang, thuế lâm thổ sản v.v... Chúng còn tiến hành thu thuế đặc biệt" mỗi năm 1 lần, với nhãn hiệu "quyên góp" ủng hộ các cuộc hành quân đàn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân, các phong trào yêu nước của các bộ tộc Lào.

Mỗi lần thu thuế, nhân dân các bộ tộc Lào phải đem bán hết tài sản trong gia đình thóc lúa, trâu bò, mong có tiền đóng thuế để tránh khỏi những tai hoạ có thể ập đến gia đình. Ngoài sự áp bức bóc lột của Thực dân Pháp, nhân dân các bộ tộc Lào còn phải chịu sự bóc lột của chế độ

phong kiến Lào với các hình thức "Cuông[1] Lam[2]" cống nộp tiền của, biếu xén, lao dịch không công, làm nô lệ cho bọn lãnh chúa.

Do chính sách bóc lột đến tận xương tuỷ, nền kinh tế Lào đã kiệt quệ, càng kiệt quệ thêm, không phát triển được ngày càng bần cùng, lệ thuộc vào thực dân đế quốc và phong kiến. Đời sống của đại đa số nhân dân lao động ngày càng túng thiếu và khổ cực.

Bọn thực dân, phong kiến ở Lào còn dùng mọi thủ đoạn hèn hạ và dã man để đầu độc người dân Lào, nhằm biến họ thành kẻ tôi tớ cho chúng, thủ tiêu ý chí đấu tranh và huỷ hoại tinh thần dân tộc của các bộ tộc Lào. Chúng bắt nhân dân Lào uống rượu, cờ bạc, đĩ điếm để mê hoặc và đe doạ mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên.

Chúng thi hành chính sách ngu dân, không mở trường học, nhân dân Lào không được học hành, không phát triển văn hoá dân tộc, không phân biệt được thù bạn, tiếng nói và chữ viết Lào bị khinh rẻ, 95% nhân dân Lào mù chữ.

Trong 70 năm đô hộ của Thực dân Pháp những ruộng đất màu mỡ đều nằm trong tay bọn thực dân và địa chủ phong kiến. Chúng đã ra sức bóc lột nhân dân một cách thậm tệ. Người dân hầu như không có một tấc đất để trồng trọt. Họ đã trở thành nô lệ cho bọn thống trị.

II. ***Những người công sản Việt Nam tận tình xây dựng và phát triển các tổ chức cách mạng Lào (1930 - 1945).***

1. *Đảng cộng sản Đông Dương ra đời vạch ra con đường cách mạng cho nhân dân ba nước Đông Dương, đặc biệt là cách mạng Lào.*

---

[1] . *Chế độ Cuông:* là thứ thuế nặng nhất trong các thứ lao dịch. Người đi Cuông (tiếng Lào gọi là Lục cuông) hoàn toàn phụ thuộc vào chủ Cuông(Chậu Cuôngh). Họ phải phục dịch vô điều kiện tại nhà chủ cuông, 1 năm phải làm từ 60 - 80 ngày, phải tự túc trong việc ăn ở, nghĩa là ở làm việc không công.

[2] . *Chế độ Lam:* lam cũng là hình thức lao dịch, nhưng khác với Cuông ở chỗ là Lục Lam phải đi phu cho đế quốc còng Lục Cuông thì không, Lục Lam khi đi làm cho chủ được ăn cơm và có chỗ ở, thời gian lâm ít hơn, một năm chỉ phải làm từ 5 đến 10 ngày.

Đầu thế kỷ XX-Nhân dân Lào cũng như nhân dân Việt Nam, Cămpuchia đang đứng trước một cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối.

Trong chế độ thuộc địa nửa phong kiến, xã hội Lào có 2 mâu thuẫn cơ bản: mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Lào với thực dân xâm lược Pháp; mâu thuẫn giữa nhân dân lao động chủ yếu là nông dân với giai cấp phong kiến.Vì vậy, độc lập tự do là yêu cầu cơ bản là nguyện vọng thiết tha nhất của nhân dân các bộ tộc Lào.

Khi thực dân Pháp vừa đặt ách thống trị lên đất nước Lào, các tầng lớp nhân dân Lào không ngừng nổi dậy kháng chiến chống lại chúng để giành độc lập và tự do. Đó là cuộc khởi nghĩa của Phô-ca-duột ở tỉnh Savàn nakhẹt (1901 - 1903), của ông Kẹo và ông Côm-ma-đăm ở các tỉnh Nam Lào (1901 - 1936) thành một phong trào rộng lớn vũ trang đấu tranh chống lại Thực dân Pháp rất anh dũng; Ở Bắc Lào có phong trào đấu tranh của đồng bào Lự ở Mường-Sỉnh năm 1908; phong trào của Châu-văn-na-phum ở Mường-U, Phong Sa-Lỳ (1908-1910); phong trào của nhân dân Sầm -nưa (1914 - 19150; phong trào của ông Sẻn ở Phông-sa-lỳ (1915 - 1917); phong trào của nhân dân Hơmông của Châu Phạ-Pa-Chây (1918-1922) phong trào này đã phát triển rộng lớn bao gồm cả Bắc Lào và một số vùng thuộc miền Tây bắc Việt Nam, và phong trào của nhân dân Viêng Chăn dưới sự lãnh đạo của thầy giáo Khăm (1920) v.v.. Tất cả các phong trào trên đã nổ ra liên tiếp gây cho Thực dân Pháp nhiều thiệt hại, nhưng cuối cùng đều thất bại, vì thiếu một đường lối lãnh đạo của một Đảng cách mạng chân chính.

Cùng cảnh ngộ với nhân dân Lào, Cămpuchia, năm 1911, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân không chỉ cho nhân dân Việt Nam mà cả cho nhân dân Lào, Cămpuchia.

Sau 10 năm hoạt động trong phong trào công nhân quốc tế Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã tìm ra con đường cứu nước cứu nhà "muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản". Từ đó Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã từng bước

truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào các nước Đông Dương.Và đồng chí trở thành người soi đường chỉ lối cho phong trào công nhân và phong trào yêu nước của các dân tộc bị áp bức ở Đông Dương.

Tháng 6.1925, Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã sáng lập ra Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên tổ chức tiền thân của Đảng cộng sản Đông Dương.

Từ năm 1927 - 1930 nhiều tổ chức tiền thân của Đảng cộng sản Đông Dương được thành lập ở Lào do những nhà cách mạng Việt Nam truyền bá sang, như HVNCMTN, Tân Việt cách mạng Đảng. Ở Viên chăn có tổ chức HVNCMTN; ở Thà Khẹt, Savanakhẹt, Paksse, có Đảng Tân việt.

- Được tin ở Đông Dương có 3 tổ chức cộng sản (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn). Quốc tế cộng sản đã gửi thư yêu cầu các tổ chức trên thống nhất lại thành một Đảng cộng sản duy nhất.

" Nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là thành lập một Đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một Đảng cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức Cộng sản duy nhất ở Đông Dương"[1].

Thực hiện chỉ thị của Quốc tế cộng sản từ ngày 3 đến 7.2.1930, Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc thay mặt Quốc tế cộng sản đã họp Hội nghị tại Hương Cảng (Trung Quốc) để thống nhất các tổ chức cộng sản thành đảng cộng sản duy nhất lấy tên là Đảng cộng sản Việt Nam thông qua Chính cương Vắn tắt và Sách lược Vắn tắt của Đảng. Tháng 10-1930 đổi thành *Đảng cộng sản Đông Dương*. Đảng đã có cương lĩnh đúng đắn giải quyết vấn đề cơ bản của cách mạng dân tộc dân chủ ở ba nước Đông Dương.

---

[1]. Văn kiện Đảng toàn tập tập 1 (1924-1930) Nxb CTQG, H,1998, tr.614.

Trên cơ sở phân tích tính chất xã hội của 3 nước Đông Dương. Luận cương chính trị đã khẳng định, trong thời gian đầu cách mạng Đông Dương là cách mạng tư sản dân quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Nội dung cuộc cách mạng đó bao gồm hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến. Hai nhiệm vụ ấy có mối quan hệ khăng khí với nhau.

Về động lực cách mạng, luận cương nêu rõ, trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chính, nhưng vô sản có cầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được. Luận cương khẳng định: cách mạng Đông Dương phải có một đảng cộng sản vững mạnh lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm gốc, lãnh đạo.

Cùng với Chính cương, Sách lược vắn tắt, Luận cương chính trị năm 1930, đã trở thành ngọn đuốc soi đường cho mọi hoạt động cách mạng của ba nước Đông Dương.

Đảng cộng sản Đông Dương ra đời đánh dấu một bước ngoặt lịch sử vĩ đại trong phong trào cách mạng ở ba nước Việt Nam -Lào-Cămpuchia, đưa phong trào cách mạng Lào thoát khỏi bế tắc về đường lối.

2. *Thực hiện đường lối chủ trương của Đảng cộng sản Đông Dương những người cộng sản Việt Nam cùng với nhân dân Lào tiến hành xây dựng các tổ chức và lãnh đạo phong trào cách mạng Lào.*

Ngay từ năm 1927, nhiều đồng chí cách mạng Việt Nam được cử sang hoạt động trên đất Lào. Các đồng chí đã dựa vào nhân dân Lào, Việt kiều sống trên đất Lào để xây dựng cơ sở cách mạng.

Các tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập tại Viêng Chăn, Thà Khẹt, Bò-nèng, Phông-Chiu, Xà-Vằn đến tháng 4.1930 đã chuyển thành các chi bộ cộng sản, thuộc Đảng cộng sản Đông Dương.

Cùng với sự ra đời các chi bộ cộng sản, các tổ chức quần chúng cũng lần lượt xuất hiện như: Công hội vận tải đường sông, Công hội xe